

Số: *18* /2021/CV-TGD-VEFAC JSC

Hà Nội, ngày *26* tháng 06 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“Công ty”)
  - Mã chứng khoán: VEF
  - Địa chỉ trụ sở chính: Số 148 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội
  - Điện thoại: 024. 38313208 Fax: 024. 38313208
  - Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lý Hoa Liên – Chức vụ: Tổng Giám đốc
  - Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ
- Nội dung thông tin công bố:

Ngày 26/06/2021, Chủ tọa Đại hội đã thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đường dẫn: <http://www.vefac.vn>, mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu gửi kèm:*

*Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội  
đồng cổ đông thường niên năm 2021.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÝ HOA LIÊN**

**Công Ty Cổ  
Phần Trung  
Tâm Hội Chợ  
Triển Lãm  
Việt Nam**

Digitally signed by Công Ty  
Cổ Phần Trung Tâm Hội Chợ  
Triển Lãm Việt Nam  
DN:  
0.9.2342.19200300.100.1.1=  
MST:0100111472, cn=Công  
Ty Cổ Phần Trung Tâm Hội  
Chợ Triển Lãm Việt Nam,  
st=Hà Nội, c=VN  
Date: 2021.06.26 18:29:40  
+07'00'

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp Việt Nam ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ("**Công ty**");
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty ngày 26/06/2021;
- Biên bản kiểm phiếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty ngày 26/06/2021.

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.
2. Thông qua tình hình kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.
4. Thông qua tình hình tài chính theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty.
5. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020 theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.
6. Thông qua thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
7. Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ của Công ty theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.
8. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
11. Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 của Công ty.
12. Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.
13. Thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.
14. Thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết./.



Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GD&ĐT HN, TTLK&VN;
- Các cổ đông;
- Lưu VP Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**TRẦN LÊ PHƯƠNG**



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

- Trụ sở chính: Số 148 đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100111472 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/01/2011.

Hôm nay, vào hồi 9h00 ngày 26 tháng 6 năm 2021, tại Trung tâm Hội nghị Almaz, Đường Hoa Lan, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội đã diễn ra cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến.

**A. PHẦN THỦ TỤC**

**1. Tuyên bố lý do**

Người dẫn chương trình tuyên bố lý do triệu tập cuộc họp: Căn cứ Điều lệ Công ty và Luật pháp hiện hành, Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam đã triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Chủ tọa thông báo Đại hội được tổ chức và hoạt động theo hình thức họp trực tuyến.

**2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông**

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Quyết Thắng – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tới 09h00’ ngày 26 tháng 6 năm 2021 như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 166.601.050 cổ phần.
- Cổ đông được mời tham dự Đại hội gồm: Toàn bộ cổ đông của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam theo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông lập ngày 17 tháng 5 năm 2021.
- Tổng số cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến: 20 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 163.431.551 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 98,09% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

- Số cổ đông uỷ quyền tham dự Đại hội trực tuyến là 3 cổ đông đại diện cho 163.230.150 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến: 17 người, sở hữu: 201.401 cổ phần.

Các đại biểu là cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được ủy quyền nêu trên có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam đủ điều kiện tiến hành.

**3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội gồm:**

- Ông Trần Lê Phương, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tọa cuộc họp;
- Bà Lý Hoa Liên, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;
- Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh, Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc;
- Ông Lê Thăng Long, Thành viên HĐQT;
- Bà Đoàn Thị Bích Ngọc – Kế toán trưởng.

**4. Đoàn Chủ tịch đề cử Ban Thư ký Đại hội và được Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành 100% gồm các Ông/Bà có tên sau:**

- Bà Nguyễn Minh Lan - Trưởng Ban Thư ký;
- Bà Phạm Thùy Linh - Thành viên Ban Thư ký;

**5. Đoàn Chủ tịch đề cử Ban Kiểm phiếu và được Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành 100% gồm các Ông/Bà có tên sau:**

- Bà Vũ Phương Hoa - Trưởng Ban Kiểm phiếu;
- Bà Nguyễn Thị Thư - Thành viên Ban Kiểm phiếu;
- Ông Nguyễn Đức Lưu - Thành viên Ban Kiểm phiếu;

**B. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

**I. Thông qua nội dung Chương trình Đại hội, Quy chế và thể lệ biểu quyết tại Đại hội**

1. Đoàn Chủ tịch công bố và Đại hội thông qua Chương trình Đại hội (*Đính kèm Biên bản này*) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
2. Đoàn Chủ tịch đề nghị ĐHĐCĐ thông qua Quy chế và thể lệ biểu quyết tại Đại hội (*Đính kèm Biên bản này*) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.

**II. Báo cáo, tờ trình về các vấn đề cần được cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.**

1. Ông Trần Lê Phương – Chủ tịch HĐQT trình bày: (i) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021; (ii) Tờ trình điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.
2. Bà Lý Hoa Liên trình bày: (i) Tờ trình về tình hình kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty; (ii) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành các Quy chế của Công ty.
3. Bà Văn Thị Hải Hà trình bày: (i) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; (ii) Tờ trình của HĐQT phê duyệt thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2020.
4. Bà Đoàn Thị Bích Ngọc trình bày: (i) Tờ trình về tình hình tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty; (ii) Tờ trình của HĐQT về phương án sử dụng lợi nhuận sau

thuế lũy kế năm 2020; (iii) Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 của Công ty.

- Ông Lê Thăng Long trình bày: Tờ trình thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

### III. Thảo luận và ý kiến của cổ đông

Đoàn Chủ tọa và Đại hội đã nhận các ý kiến của các cổ đông và tiến hành thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại Đại hội.

Đại hội nhận được ý kiến đóng góp đối với nội dung các Báo cáo, Tờ trình của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, Đại hội đã ghi nhận ý kiến và sẽ có thông tin chi tiết gửi tới cổ đông Nhà nước.

Đại hội đã thống nhất các nội dung trình bày, trả lời, giải trình tại Đại hội và không có ý kiến gì khác.

### IV. Biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết

- Đại hội đã nghe Bà Vũ Phương Hoa - thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông cập nhật tới 10h00 ngày 26 tháng 6 năm 2021 như sau:

Tổng số cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến: 34 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 163.648.568 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 98,22% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Hướng dẫn cách thức biểu quyết trực tuyến.
- Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung tại Đại hội trực tuyến.

### V. Các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

#### 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 147.114.663 cổ phần, chiếm 89,82% tổng số phiếu biểu quyết.*

#### 2. Thông qua tình hình kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo Tờ trình của HĐQT.

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 147.114.663 cổ phần, chiếm 89,82% tổng số phiếu biểu quyết.*

#### 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 147.072.663 cổ phần, chiếm 89,80% tổng số phiếu biểu quyết.*

#### 4. Thông qua tình hình tài chính Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty.

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.764.568 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu biểu quyết.*

#### 5. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020 theo Tờ trình của HĐQT.

ĐHĐCĐ phê duyệt phương án không chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông. Toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hiện có sẽ được giữ lại để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.773.368 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu biểu quyết.*

**6. Thông qua thù lao trả cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo Tờ trình của HĐQT và Ban kiểm soát.**

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.764.568 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu biểu quyết.*

**7. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo Tờ trình của HĐQT**

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.775.068 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu biểu quyết.*

**8. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.774.568 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu biểu quyết.*

**9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty**

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.775.368 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu biểu quyết.*

**10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty**

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.775.068 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu biểu quyết.*

**11. Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 của Công ty.**

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.775.068 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu biểu quyết.*

**12. Thông qua tờ trình điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty**

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 163.775.368 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết.*

**13. Thông qua tờ trình về tiếp tục triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ**

*Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 147.114.963 cổ phần, chiếm 89,82% tổng số phiếu biểu quyết.*

**C. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI**

- Đại diện Ban Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản được thông qua tại Đại hội.
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành và không ai có ý kiến khác với nội dung trên. Đại hội nhất trí Biên bản và Nghị quyết Đại hội sẽ được gửi tới cổ đông bằng cách Công ty đăng lên website của Công ty.

Biên bản được lập hồi 11.h15.' ngày 26 tháng 6 năm 2021 ngay sau khi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam kết thúc chương trình và bế mạc Đại hội.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



*Trần Lê Phương*

**THỦ KÝ CUỘC HỌP**

*NHL*  
Nguyễn Minh Lan

*PH*  
Phan Phú Hải



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI**

**Thời gian:** 9 giờ 00, Thứ Bảy, ngày 26 tháng 06 năm 2021

**Địa điểm:** Trung tâm Hội nghị Almaz, Đường Hoa Lan, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Thời gian	Nội dung chi tiết
08h30 – 09h00	Đón tiếp đại biểu và cổ đông Kiểm tra tư cách cổ đông
09h00 – 09h30	Khai mạc cuộc họp và giới thiệu Đại biểu Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa cuộc họp Cử Ban thư ký và bầu Ban kiểm phiếu Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội thường niên 2021 Thông qua chương trình Đại hội
09h30 – 10h20	Trình bày các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội 1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) năm 2020 2. Tờ trình HĐQT về tình hình kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 (“BKS”) 4. Tờ trình về tình hình tài chính theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty 5. Tờ trình về phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020 6. Tờ trình về phê duyệt thù lao cho HĐQT và BKS 7. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty và ban hành các Quy chế 8. Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 9. Tờ trình thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh 10. Tờ trình thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
10h20 – 10h40	Trao đổi, thảo luận
10h40 – 11h15	Hướng dẫn biểu quyết và tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội Kiểm phiếu biểu quyết Giải lao và tiệc trà
11h15 – 11h30	Công bố kết quả biểu quyết
11h30 - 11h45	Thông qua Biên bản cuộc họp và Bế mạc Đại hội

**BAN TỔ CHỨC**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM

---

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2021

**QUY CHẾ VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**PHẦN I: QUY CHẾ ĐẠI HỘI**

**CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

- a. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam - VEFAC (sau đây được gọi tắt là “Đại hội”) bằng hình thức Đại hội trực tuyến và biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội trực tuyến.
- b. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- c. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

- a. **Cổ đông:** Là người sở hữu ít nhất một cổ phần của VEFAC (Mã chứng khoán: VEF - Sau đây Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam được gọi tắt là: “VEFAC” hoặc “Công ty”), có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chốt ngày 17/05/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc là người được cổ đông ủy quyền hợp lệ bằng văn bản và đã được VEFAC cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
- b. **Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội:** Là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
- c. **Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến:** Bao gồm địa điểm chính và có thể có các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi Ban chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến bằng Tài khoản truy cập đã được VEFAC cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.
- d. **Bỏ phiếu điện tử:** Là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.
- e. **Hệ thống trực tuyến:** Là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.
- f. **Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến:** Là việc cổ đông sử dụng Thông tin đăng nhập để truy cập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của VEFAC.

- g. **Thông tin đăng nhập:** Bao gồm Tên đăng nhập (ID/Username) và mật khẩu (Password) trong Thư mời họp hoặc mã OTP được gửi vào số điện thoại của cổ đông hoặc số điện thoại của người được ủy quyền. Mật khẩu và mã OTP được VEFAC cung cấp duy nhất cho từng cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền tại Thư mời họp hoặc số điện thoại của cổ đông, người được cổ đông ủy quyền.
- h. **Thời gian mở Hệ thống trực tuyến:** Là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu, đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến. Thời gian biểu quyết các nội dung của Đại hội thực hiện theo quy định của Ban tổ chức Đại hội.
- i. **Thời gian đóng cửa Hệ thống trực tuyến:** là thời điểm Hệ thống trực tuyến đóng truy cập, biểu quyết, ... theo thông báo của Chủ tọa đại hội.
- j. **Các từ viết tắt có ý nghĩa như sau:** ĐHĐCĐ/Đại hội: Đại hội đồng cổ đông; HĐQT: Hội đồng quản trị; BKS: Ban Kiểm soát; TGD: Tổng giám đốc.

## **CHƯƠNG II: ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

### **Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội**

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền tham dự Đại hội hoặc ủy quyền hợp lệ bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội và đã được VEFAC cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Hình thức tham dự Đại hội**

Cổ đông được coi là tham dự cuộc họp Đại hội trực tuyến theo quy định sau đây:

- a. Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản (ID) truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. VEFAC thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thư mời họp.
- b. Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là tham dự và biểu quyết hợp lệ tại Đại hội nếu Cổ đông đã hoàn thành việc đăng nhập tại ngày Đại hội bằng Tên đăng nhập (ID) và mật khẩu/mã OTP do Công ty cung cấp.
- c. Ban tổ chức Đại hội thực hiện mở cửa Hệ thống trực tuyến để cổ đông có thể truy cập Hệ thống để biểu quyết trước 03 (ba) ngày tính đến ngày dự kiến khai mạc Đại hội. Cổ đông thực hiện check in trước khi thao tác biểu quyết. Khi cổ đông hoàn thành việc biểu quyết trước ngày Đại hội sẽ được tính là cổ đông tham dự Đại hội.

## **CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền**

#### **5.1 Quyền của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:**

- a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- b. Cổ đông thực hiện tham dự Đại hội trực tuyến thì thực hiện đăng nhập vào hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: [vef.bvote.vn](http://vef.bvote.vn) để tham dự Đại hội và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội. Cổ đông có thể đăng nhập thông qua các hình thức sau:

- Dùng Tên đăng nhập (ID/Username) và mã OTP để đăng nhập vào hệ thống hoặc;
- Dùng Tên đăng nhập (ID/Username) và mật khẩu trong Thư mời họp để đăng nhập vào hệ thống.

- + Tên đăng nhập (ID/Username) của cổ đông là: Số giấy chứng minh nhân dân; Số thẻ căn cước công dân; Mã số doanh nghiệp; Mã số nhà đầu tư nước ngoài.
- + Mã OTP: Sau khi cổ đông đăng nhập vào hệ thống thì mã OTP được gửi vào số điện thoại của cổ đông hoặc số điện thoại của người được ủy quyền. Trường hợp cổ đông thay đổi số điện thoại thì liên hệ với VEFAC để cập nhật số điện thoại mới.
- + Mật khẩu: Được thông báo cho cổ đông tại Thư mời họp.

c. Cổ đông và đại diện cổ đông có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dùng, biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Quy định này cũng áp dụng đối với cổ đông đăng nhập hệ thống tham dự Đại hội trực tuyến.

d. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Theo đó, với đại diện được ủy quyền, nếu bên được ủy quyền không phải cổ đông của VEFAC, sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản (hoặc bản scan giấy ủy quyền và gửi mail cho Công ty trước ngày khai mạc Đại hội) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, VEFAC sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên được ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Bên được ủy quyền thực hiện truy cập vào website của Công ty để tải tài liệu của Đại hội cũng như cách thức đăng nhập tham dự Đại hội. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về VEFAC. Người được ủy quyền tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này, chịu sự điều khiển của Ban Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

- Trường hợp người được ủy quyền là cổ đông của công ty thì sau khi công ty nhận được văn bản ủy quyền hợp lệ, số lượng cổ phần của bên ủy quyền sẽ được cộng dồn vào số cổ phần của bên nhận ủy quyền khi tham dự Đại hội.

### **5.2 Nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:**

- a. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.
- b. Trang phục của Cổ đông, đại biểu đảm bảo tính lịch sự, trang trọng;
- c. Cổ đông tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến có nghĩa vụ:
  - Chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
  - Tham dự, thực hiện biểu quyết đầy đủ các nội dung, chương trình của Đại hội.
  - Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.
  - Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng

tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu/OTP và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

- Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

- a. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do VEFAC chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự Đại hội: Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ VEFAC và Quy chế này; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- b. Phương thức kiểm tra: Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản của các cổ đông để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.
- c. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

#### **Điều 7. Ban Chủ tọa Đại hội**

7.1 Ban Chủ tọa đại hội do Đại hội biểu quyết thông qua gồm Chủ tọa và một số ủy viên, có chức năng điều khiển Đại hội.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa:

- a. Điều hành các hoạt động của phiên họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để phiên họp Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
- b. Chỉ định Ban thư ký và giới thiệu để Đại hội bầu chọn Ban kiểm phiếu;
- c. Hướng dẫn việc thảo luận tại phiên họp;
- d. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- e. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.
- f. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- g. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- h. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (*phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty*) nếu nhận thấy rằng:
- i. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
- j. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội**

- a. Ban thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và một số thành viên do Chủ tọa chỉ định.

- b. Ban thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như: ghi chép Biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

### **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

**9.1 Ban kiểm phiếu:** Gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên và do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội.

**9.2 Quyền của Ban kiểm phiếu:** Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

**9.3 Nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu:**

- a. Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội trực tuyến.
- b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;
- c. Tổng hợp và báo cáo Ban Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của đại hội;
- d. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông;
- e. Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
- f. Bàn giao biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa Đại hội chỉ định;
- g. Cùng Ban Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- h. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

## **CHƯƠNG IV**

### **TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại ngày chốt quyền. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

#### **Điều 11. Cách thức tiến hành và trật tự Đại hội**

- a. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
- b. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.
- c. Tất cả các cổ đông tham dự Đại hội phải ăn mặc chỉnh tề.
- d. Cổ đông đăng ký phát biểu thì cần phải có thiết bị đầu cuối có trang bị âm thanh, hình ảnh và đường truyền kết nối với Đại hội.

#### **Điều 12. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội**

- a. Chương trình và nội dung họp của Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phần khai mạc và phải xác định rõ thời gian đối với từng nội dung trong cuộc họp.

- b. Trường hợp trong quá trình tổ chức cuộc họp nếu Chủ tọa có đề xuất thay đổi chương trình và nội dung họp, các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

### **Điều 13. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội trực tuyến**

- a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông.
- b. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Ban Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến bằng hình thức thảo luận, chất vấn trực tuyến và được sự đồng ý của Ban Chủ tọa hoặc gửi câu hỏi gửi cho Ban Chủ tọa Đại hội thông qua hệ thống trực tuyến. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời từng cổ đông trình bày ý kiến của mình theo nội dung thảo luận.
- c. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật và phải thuộc thẩm quyền, nội dung của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.
- d. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 3 (ba) phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời gian sớm nhất.

### **Điều 14. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, việc thông qua quyết định của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đối với các báo cáo, tờ trình tại Đại hội được quy định cụ thể như sau:

- a. Các nội dung quy định tại khoản 1 điều 148 Luật doanh nghiệp, được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết tán thành.
- b. Các nội dung còn lại: được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết tán thành.

### **Điều 15. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung tại phiên họp ĐHĐCĐ trực tuyến**

#### **15.1 Thời điểm biểu quyết**

- a. Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử được thực hiện trước 03 ngày tính đến ngày khai mạc Đại hội, tức là từ 8h00 ngày 23/06/2021 đến khi Ban chủ tọa thông báo kết thúc việc bỏ phiếu.
- b. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ diễn ra và/hoặc tại ĐHĐCĐ. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm mở cửa hệ thống đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết theo thông báo của Ban chủ tọa.

#### **15.2 Cách thức biểu quyết**

- a. Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Quy chế này. Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống

trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thư mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn truy nhập được gửi kèm Thông báo mời họp đến từng cổ đông, đồng thời được đăng tải trên website VEFAC.

- b. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông.
- c. Phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Quy chế này.
- d. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông không thể thay đổi kết quả biểu quyết sau khi đã gửi thành công trên hệ thống. Đối với các nội dung biểu quyết thay đổi hoặc phát sinh trong thời gian tổ chức Đại hội, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết bổ sung cho những nội dung thay đổi, phát sinh đó. Trường hợp cổ đông không thể thực hiện việc biểu quyết bổ sung thì nội dung thay đổi đó được coi là cổ đông không tham dự biểu quyết. Các nội dung khác mà cổ đông đã biểu quyết trước đó không thay đổi.
- e. Kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông là tổng hợp kết quả biểu quyết được ghi nhận tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại ĐHĐCĐ. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông không thể thực hiện biểu quyết đối với nội dung đã bị khóa. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- f. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết đối với từng nội dung do Đoàn Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.
- g. Khi điều hành đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về các địa chỉ hỗ trợ nêu tại Thông báo mời họp để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống là kết quả cuối cùng và Công ty được miễn trừ trách nhiệm về kết quả biểu quyết của cổ đông khi cổ đông đã đăng nhập hợp lệ và biểu quyết trên hệ thống.

### **15.3 Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:**

Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông có tham gia biểu quyết, có chọn phương án biểu quyết và hoàn thành việc gửi trên hệ thống trực tuyến. Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ.

### **15.4 Không tham dự biểu quyết:**

Trường hợp cổ đông đăng nhập thành công để tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không lựa chọn ý kiến nào (*không đánh dấu chọn vào ô nào*) sẽ được hiểu là cổ đông từ chối quyền và không tham dự biểu quyết tại nội dung đó; số phiếu của cổ đông này không được cộng vào tổng số phiếu tham gia biểu quyết của nội dung không được chọn đó.

### **Điều 16. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**



16.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 16.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 16.3 Chủ tọa và Thư ký Đại hội phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 16.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 16.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

## CHƯƠNG V

### ĐIỀU KHOẢN KHÁC

#### **Điều 17. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành**

- a. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, thì việc triệu họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
- b. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

## PHẦN II: THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

### THỂ LỆ

## BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG VÀ BẦU NHÂN SỰ TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2021

### CHƯƠNG VI: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

#### **Điều 18. Biểu quyết thông qua thủ tục khai mạc Đại hội:**

Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền, sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến thì quyền biểu quyết của cổ đông chính là số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu.

Khi Ban chủ tọa ĐH đề nghị cổ đông thực hiện biểu quyết các nội dung thuộc phần khai mạc Đại hội, bao gồm:

- a. Thông qua Ban chủ tọa kỳ họp;
- b. Thông qua Ban kiểm phiếu kỳ họp;
- c. Thông qua Nội dung Đại hội;
- d. Thông qua Quy chế và Thể lệ biểu quyết Đại hội;

Thì cổ đông thực hiện chọn 01 trong 02 phương án: hoặc “Tán thành” hoặc “Không tán thành” và nhấn nút “Gửi biểu quyết” để hoàn thành việc biểu quyết.

Sau khi cổ đông hoàn thành việc gửi biểu quyết thì không thể thay đổi kết quả mà mình đã biểu quyết.

**Kết quả biểu quyết:** Các nội dung thuộc phần khai mạc ĐH được thông qua nếu nhận được trên 50% số CP biểu quyết tán thành trong tổng số CP tham dự ĐH và tham gia bỏ phiếu tại thời điểm biểu quyết.

#### **Điều 19. Biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình của Đại hội:**

Khi Ban chủ tọa ĐH thông báo thời gian biểu quyết bắt đầu thì cổ đông thực hiện biểu quyết. Số quyền biểu quyết của cổ đông chính là số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu.

Đối với các Báo cáo và Tờ trình thì cổ đông thực hiện chọn 01 trong 03 phương án: hoặc “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” và nhấn nút “Gửi biểu quyết” để hoàn thành việc biểu quyết.

Sau khi cổ đông hoàn thành việc gửi biểu quyết thì không thể thay đổi kết quả mà mình đã biểu quyết.

**Kết quả biểu quyết:** Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

#### **Điều 20. Biểu quyết thông qua thủ tục bế mạc Đại hội:**

Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền, sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến thì quyền biểu quyết của cổ đông chính là số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu.

Khi Ban chủ tọa ĐH đề nghị cổ đông thực hiện biểu quyết các nội dung thuộc phần khai bế Đại hội, bao gồm:

- a. Thông qua Biên bản ĐH;
- b. Thông qua Nghị quyết ĐH;

Thì cổ đông thực hiện chọn 01 trong 02 phương án: hoặc “Tán thành” hoặc “Không tán thành” và nhấn nút “Gửi biểu quyết” để hoàn thành việc biểu quyết.

Sau khi cổ đông hoàn thành việc gửi biểu quyết thì không thể thay đổi kết quả mà mình đã biểu quyết.

**Kết quả biểu quyết:** Các nội dung thuộc phần bề mặt ĐH được thông qua nếu nhận được trên 50% số CP tán thành trong tổng số CP tham dự ĐH và tham gia bỏ phiếu tại thời điểm biểu quyết.

## **Chương VII: BẦU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 21. Bầu các Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:**

Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu các nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo danh sách ứng viên được lập phù hợp trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Danh sách và thông tin ứng viên chi tiết như Tờ trình về nhân sự, các tài liệu gửi đến các cổ đông và công bố thông tin theo quy định.

**Quyền bầu:** Mỗi cổ đông có tổng số quyền bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (X) với số người được bầu.

**Ví dụ:** Cổ đông A có 5.000 cổ phần, Đại hội thực hiện bầu 05 thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số 07 ứng viên.

Số quyền bầu của cổ đông A sẽ là:  $5.000 \text{ cp} \times 5 = 25.000$  quyền bầu

Cổ đông A có thể dồn toàn bộ 25.000 quyền bầu này cho 1 ứng viên hoặc dùng số quyền bầu này để bầu cho nhiều ứng viên miễn là số quyền bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số quyền bầu.

Trường hợp cổ đông A bầu đều số quyền cho các ứng viên hoặc bầu không hết số quyền bầu thì phần quyền lẻ (nếu có) còn lại được tính là không bầu cho ứng viên nào.

Theo ví dụ trên, nếu cổ đông A bầu đều cho 7 ứng viên, thì mỗi ứng viên được nhận 3.571 quyền bầu ( $3.571 \times 7 = 24.997$ ), số quyền bầu còn lại là 3 quyền bầu được tính là không bầu cho ứng viên nào.

#### **21.1 Cách thức bầu:**

Hệ thống tự động tính số quyền bầu của từng cổ đông theo số thành viên HĐQT/BKS được bầu. Cổ đông tích chọn số người cần bầu, hệ thống tự động dồn/chia số quyền bầu tương ứng hoặc cổ đông có thể nhập số quyền bầu cho mỗi ứng viên theo số quyền mà cổ đông dự định bầu. Hệ thống sẽ hiển thị số quyền mà cổ đông chưa bầu hết để cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không.

#### **21.2 Xác định kết quả bầu cử:**

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát cần bầu tại Đại hội.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo cách thức bầu tại Quy chế này.

### **Điều 22. Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử**

Kết quả bầu cử được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu cùng các nội dung biểu quyết khác và được Ban kiểm phiếu công bố tại Đại hội.

Toàn bộ dữ liệu về bầu cử được lưu trữ theo quy định hiện hành.

## **CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Điều khoản thi hành**

- a. Quy chế và Thể lệ này gồm 8 chương, 23 Điều, được thông qua và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội biểu quyết thông qua.
- b. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
- c. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

**TRẦN LÊ PHƯƠNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

---

*Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2021*

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020  
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

***Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG***

**1. Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020.**

Năm 2020, Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty đã tiếp tục duy trì các hội chợ triển lãm theo phương án kinh doanh như sau:

- Xác định nội dung kinh doanh trọng tâm là tiếp tục duy trì tổ chức các cuộc hội chợ triển lãm trọng tâm, đồng thời tìm kiếm cơ hội tốt để tổ chức và phối hợp tổ chức các hội chợ triển lãm, sự kiện và các loại hình kinh doanh dịch vụ mới để khai thác nguồn nhân lực, tăng doanh thu cho Công ty, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Tiến hành các giải pháp đồng bộ để tổ chức các cuộc hội chợ thường niên của Công ty tại Cung Văn hóa hữu nghị Hà Nội đảm bảo quy mô, chất lượng và hiệu quả.
- Tham gia đấu thầu và đã trúng thầu tổ chức thành công Hội chợ Đặc sản vùng miền Việt Nam 2020 do UBND Thành phố Hà Nội chủ trì; Triển lãm trực tuyến về Thế Giới Số ITU Digital World 2020 do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì.

Trong năm 2020, kinh tế toàn cầu nói chung và ngành hội chợ triển lãm tại Việt Nam nói riêng đã chịu những tác động không nhỏ của đại dịch Covid-19. Ngành hội chợ triển lãm cũng thiệt hại nặng nề với khoảng 400 sự kiện đã phải hoãn hủy trong 8 tháng đầu năm. Căn cứ định hướng và quyết sách của Chính phủ và các cơ quan hữu quan, cân nhắc những đánh giá và biến động thực tiễn của thị trường, HĐQT điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn hướng tới sự phát triển bền vững, đồng thời tiến hành quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp theo lộ trình phù hợp.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai các dự án mà Công ty là chủ đầu tư, cụ thể là: Dự án “Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia” và “Dự án Khu đô thị mới Đông Anh” tại các xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm huyện Đông Anh, Hà Nội; Dự án “Tổ hợp Trung tâm Thương mại Dịch vụ và Nhà ở” tại 148 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội và Dự án “Khu Chức năng Đô thị Nam Đại lộ Thăng Long” tại Mỹ Trì, Hà Nội.

**2. Hoạt động của HĐQT năm 2020.**

**2.1 Các hoạt động chung:**

Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành một số Nghị quyết/Quyết định để thông qua các nội dung sau đây:

- Lùi thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Miễn nhiệm, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc.

- Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Bầu Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm lại TGD theo nhiệm kỳ mới và thay đổi KTT của Công ty.

## **2.2 Hoạt động giám sát của HĐQT.**

HĐQT kiểm soát hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong các công tác chính sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư Dự án của Công ty nhằm đẩy nhanh tiến độ.
- Giám sát công tác lập Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm của Công ty đúng theo quy định.
- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 29/06/2020.
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định.
- Giám sát hoạt động quản lý của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra trong năm 2020.

## **3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT**

- Báo cáo về thù lao cho HĐQT năm 2020 được trình bày cụ thể tại Tờ trình của HĐQT về thù lao của HĐQT năm 2021.
- Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT như khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe, ....

## **4. Giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan**

- Trình tự, thủ tục phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan được thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan do HĐQT phê duyệt được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020.

## **5. Định hướng hoạt động năm 2021**

- Tiếp tục duy trì, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng các cuộc hội chợ truyền thông của Công ty.
- Tổ chức hoặc phối hợp với đơn vị khác để tổ chức các cuộc hội chợ triển lãm và sự kiện mới.
- Xây dựng phương án tổ chức thực hiện các sự kiện quốc gia và quốc tế lớn theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện hồ sơ pháp lý để có thể nhanh chóng tiến hành xây dựng Dự án Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc gia mới và các dự án thành phần.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**TRẦN LÊ PHƯƠNG**

Số: *GM/2021/TTTr-HĐQT-VEFAC*

*Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2021*

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021**  
***Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG***

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020.**

**I. Công tác tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2020**

Năm 2020, kinh tế thế giới chịu tổn hại nặng nề từ dịch Covid-19 và rơi vào suy thoái với mức tăng trưởng -4.3% (theo số liệu từ Ngân hàng Thế giới – World Bank). Nhờ vào chỉ đạo sáng suốt của Chính phủ, Việt Nam đã thành công trong việc kiểm soát dịch bệnh, khôi phục hoạt động sản xuất và xuất khẩu nhanh chóng, từ đó giúp đạt mức tăng trưởng GDP dương và có mặt trong nhóm nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới trong năm khó khăn vừa qua. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê Việt Nam (“GSO”), tăng trưởng GDP của năm 2020 đạt 2,91%, cao hơn mức dự báo của Ngân hàng Thế giới (2,8%).

Nhận thức rõ đặc điểm tình hình và nhiệm vụ sau khi có chủ trương chấm dứt các hoạt động cung cấp dịch vụ tại 148 Giảng Võ và thực hiện di dời để phục vụ việc phát triển dự án; bên cạnh đó cũng chịu những tác động không nhỏ của đại dịch Covid-19, Ban giám đốc Công ty đã khẩn trương tiến hành một loạt các biện pháp cần thiết để đáp ứng các yêu cầu kinh doanh trong điều kiện mới, bao gồm:

- Xây dựng đề án và kế hoạch tổ chức các hội chợ triển lãm thường niên của Công ty tại Cung Văn hóa hữu nghị Hà Nội, đảm bảo quy mô, chất lượng và hiệu quả. Đồng thời, Công ty không ngừng tìm kiếm những cơ hội mới và tổ chức thành công Hội chợ đặc sản vùng miền Việt Nam 2020; Triển lãm trực tuyến về Thế Giới Số ITU Digital World 2020.
- Ổn định tổ chức bộ máy, sắp xếp bố trí nhân sự hợp lý nhằm phát huy năng lực cá nhân người lao động trong Công ty, đặc biệt là nhân sự tổ chức các hoạt động hội chợ triển lãm và phát triển kinh doanh.
- Rà soát mở rộng hệ thống đối tác, đại lý, khách hàng trọng điểm trong và ngoài nước nhằm nâng tầm các hoạt động hội chợ triển lãm của Công ty; đồng thời đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, tăng nguồn thu theo đúng định hướng của Công ty.



- Tích cực triển khai các dự án theo chỉ đạo của Chính phủ, ý kiến của các bộ ngành liên quan và UBND Thành phố Hà Nội để các lô hợp công trình, đặc biệt là Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia sớm đi vào hoạt động.

## 2. Hoạt động kinh doanh:

Mặc dù Công ty gặp nhiều khó khăn khi tổ chức hội chợ triển lãm tại địa điểm mới như vị trí không thuận lợi, giá thuê tăng cao, các khách hàng truyền thống đang trong giai đoạn tái cơ cấu hoặc có nhiều sự lựa chọn khác trong công tác marketing, quảng bá sản phẩm và thương hiệu v.v., đặc biệt là chịu những ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19, nhưng với nhiều nỗ lực và các giải pháp đúng đắn, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ duy trì các hoạt động hội chợ triển lãm trong giai đoạn Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc gia đang trong quá trình tiến hành các thủ tục pháp lý để triển khai thực hiện.

Công ty đã xây dựng và triển khai kế hoạch mở rộng quan hệ đối tác khách hàng trong và ngoài nước, tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực hội chợ triển lãm, sự kiện và các dịch vụ liên quan, đặc biệt cho giai đoạn khi Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc gia mới đi vào hoạt động, trong đó có các cuộc triển lãm quốc gia, quốc tế lớn, các sự kiện được Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao tổ chức thực hiện.

## 3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

*Đơn vị tính: đồng Việt Nam*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Tổng doanh thu, thu nhập tài chính	192.470.272.299	93.135.467.100
Lợi nhuận trước thuế	161.983.989.633	45.976.554.879
Lợi nhuận sau thuế	139.207.613.778	36.151.177.266
Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu, thu nhập tài chính	84,16%	49,37%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu, thu nhập tài chính	72,33%	38,82%

Năm 2020, Công ty đạt tổng doanh thu và thu nhập tài chính 192,47 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu và thu nhập tài chính đạt 84,16%, tăng 34,8 điểm phần trăm so với năm 2019. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu và thu nhập tài chính đạt 72,33%, tăng 33,51 điểm phần trăm so với năm 2019. Trong năm 2020, đồng thời với việc tích cực triển khai dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia mới, mặc dù dịch Covid-19 có diễn biến phức tạp nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì tổ chức được các hội chợ triển lãm truyền thống, thu hút sự tham gia của rất nhiều doanh nghiệp.

## Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 so với kế hoạch

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ đạt kế hoạch
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.234.263.875	10.000.000.000	92%
Doanh thu hoạt động tài chính	183.236.008.424	77.000.000.000	238%
<b>Tổng</b>	<b>192.470.272.299</b>	<b>87.000.000.000</b>	<b>221%</b>

Năm 2020 là một năm khó khăn đối với tất cả Doanh nghiệp trong và ngoài nước do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Với nhiều nỗ lực và các giải pháp đúng đắn, Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ và duy trì được các hoạt động hội chợ triển lãm truyền thống, do đó doanh thu dịch vụ đạt 92%, đồng thời Công ty cũng đã bước đầu tham gia vào hoạt động hội chợ triển lãm kỹ thuật số, được kỳ vọng là sẽ phát triển trong các năm tới.

## II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021:

Năm 2021 là năm tiếp tục triển khai đồng thời các Dự án “Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia” và “Dự án Khu đô thị mới Đông Anh” tại huyện Đông Anh, Hà Nội; Dự án “Tổ hợp Trung tâm Thương mại Dịch vụ và Nhà ở” tại 148 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội và Dự án “Khu Chức năng Đô thị Nam Đại lộ Thăng Long” tại Mỹ Trì, Hà Nội, trong khi các hoạt động hội chợ triển lãm vẫn tạm thời được tổ chức tại địa điểm khác. Bên cạnh đó, hoạt động hội chợ cũng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, vì vậy, Công ty xác định kế hoạch kinh doanh trong năm 2021 như sau:

1. Hoạt động hội chợ triển lãm: 03 hội chợ
2. Doanh thu và lợi nhuận dự kiến:
  - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 17 tỷ đồng.
  - Lợi nhuận sau thuế: 220 tỷ đồng.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

**TRẦN LÊ PHƯƠNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2021*

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**Về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị,  
Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát năm 2020**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“Công ty”);
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam;
- Căn cứ hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2020.

Với trách nhiệm, chức năng và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Giám đốc (“BGĐ”), Ban Kiểm soát (“BKS”) năm 2020 như sau:

**I. KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2020**

Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2020 phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và pháp luật hiện hành. BKS thống nhất với các nội dung của BCTC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành.

Theo đó, các chỉ tiêu cơ bản kết quả kinh doanh thực hiện trong năm 2020 theo BCTC đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

**1. Về kết quả kinh doanh**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,2
- Doanh thu hoạt động tài chính	183,2
- Tổng lợi nhuận trước thuế	162,0
- Lợi nhuận sau thuế	139,2

**2. Về tài sản của Công ty:**

- Tài sản ngắn hạn	5.055,4
- Tài sản dài hạn	1.854,4
- Tổng tài sản	6.909,8

**3. Vốn chủ sở hữu:**

- Vốn cổ phần	1.666,0
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	322,3
- Thặng dư vốn cổ phần	5,3

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2020**

### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành trong công tác chỉ đạo, định hướng, quản lý Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. Nhờ thực hiện nghiêm túc việc quản trị Công ty, HĐQT đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể liên quan đến hoạt động của Công ty.

### **2. Hoạt động của Ban Giám đốc**

Trong năm 2020, kinh tế toàn cầu nói chung và ngành hội chợ triển lãm tại Việt Nam nói riêng đã chịu những tác động không nhỏ của đại dịch Covid-19. Ngành hội chợ triển lãm cũng chịu thiệt hại nặng nề với khoảng 400 sự kiện đã phải hoãn hủy trong 8 tháng đầu năm. Căn cứ định hướng, quyết sách của Chính phủ và các cơ quan hữu quan, cân nhắc những đánh giá và biến động thực tiễn của thị trường, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức các Hội chợ triển lãm do dịch Covid-19 nhưng BGD vẫn nỗ lực và có các giải pháp phù hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ là duy trì được 03 Hội chợ triển lãm thường niên, truyền thống của Công ty gồm: Hội chợ Xuân và Hội chợ đặc sản vùng miền, Hội chợ Triển lãm trực tuyến về Thế Giới Số.

BGD đã trực tiếp điều hành, tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh như nêu tại Mục I. Ngoài ra, dưới sự chỉ đạo, quản lý của HĐQT, BGD đã thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư các Dự án của Công ty nhằm đẩy nhanh tiến độ đề ra; tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và hoàn thành các công việc liên quan đến công bố thông tin đảm bảo minh bạch, kịp thời theo quy định.

## **III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

Trong năm 2020, BKS tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và BGD, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, BGD.
- Kiểm tra các Báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020 đối với HĐQT và BGD.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

Khi nhận được các báo cáo, tờ trình của BGD, HĐQT hoặc các tài liệu khác do Công ty phát hành, các thành viên BKS đã chủ động, làm việc độc lập, trên cơ sở nghiên cứu, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu liên quan, để đưa ra các ý kiến chính xác, kịp thời.

BKS tự đánh giá năm 2020 đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định.

#### **IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021**

BKS trình ĐHĐCĐ về kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạt động của HĐQT, BGĐ theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan, đồng thời nâng cao vai trò, chức năng, chất lượng kiểm soát của mình trong Công ty.
- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BGĐ và các Phòng/Ban/Đơn vị trực thuộc để tìm hiểu các khó khăn, vướng mắc của Công ty, đề xuất các phương án/hướng xử lý, giải quyết phù hợp.
- Tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT, BGĐ và có ý kiến đóng góp kịp thời, chính xác.

Năm 2021, BKS xác định mỗi thành viên cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa, rất mong nhận được sự hỗ trợ, hợp tác của các Quý vị cổ đông, HĐQT, BGĐ và các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ trong Công ty để BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

(đã ký)

**VĂN THỊ HẢI HÀ**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

Số: 22/2021/TT-HĐQT-VEFAC

Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2021

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020 CỦA CÔNG TY**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Năm 2020, với những nỗ lực và giải pháp đúng đắn của Ban Lãnh đạo, Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“Công ty”) đã có một năm hoạt động được đánh giá là thành công với các chỉ tiêu tài chính cụ thể như sau:

**1. Tăng trưởng tài sản:**

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 6.909,8 tỷ đồng, tăng 5.047 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng: 4.907 tỷ đồng;
- Các khoản phải thu dài hạn khác: 140 tỷ đồng;

**2. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 tăng 139,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước đến từ chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận:**

Trong năm 2020, Do dịch Covid-19, Ngành hội chợ triển lãm bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hầu hết các sự kiện đều bị hủy. Trong bối cảnh đó, Công ty đã duy trì tổ chức thành công 3 Hội chợ lớn và uy tín: Hội chợ Xuân, Hội chợ đặc sản vùng miền và Hội chợ triển lãm kỹ thuật số.

- Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt: 9,2 tỷ đồng.
- Với các hoạt động điều tiết luồng tiền linh hoạt, Công ty đã tạo được nguồn thu từ hoạt động tài chính trong năm là: 183,2 tỷ đồng.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt: 162,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN đạt: 139,2 tỷ đồng.

**4. Tổng số thuế và tiền thuế đất nộp ngân sách Nhà nước**

Trong năm 2020, Công ty đã nộp cho Ngân sách Nhà nước tổng cộng 28,9 tỷ đồng tiền thuế và tiền thuế đất, trong đó:

- Thuế TNDN: 16,4 tỷ đồng;
- Thuế TNCN: 0,3 tỷ đồng;
- Tiền thuê đất và các loại thuế khác: 12,2 tỷ đồng.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

**Trần Lê Phương**

**Ghi chú:**

- Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty đã được Kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam và được công bố trên website của Công ty: <http://www.vefac.vn>

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

---

Số: *Q.3*/2021/TT- HĐQT-VEFAC

*Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2021*

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
V/v: Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020**

***Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG***

Trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, toàn bộ số lợi nhuận sau thuế lũy kế trên báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“**Công ty**”) đến thời điểm 31/12/2020 là: **322.304.133.059 đồng**.

Sau khi cân nhắc và thảo luận, Hội đồng quản trị nhất trí đệ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án không chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông. Toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hiện có sẽ được giữ lại để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**TRẦN LÊ PHƯƠNG**



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

---

Số: 05.../2021/TTr-HĐQT-VEFAC

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**  
**V/v: Phê duyệt thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“**Công ty**”);

Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) và Ban Kiểm soát (“**BKS**”) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) mức trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2020 và kế hoạch chi trả trong năm 2021 như sau:

**1. Thù lao đã chi trả trong năm 2020:**

- Số lượng thành viên của HĐQT: 05 thành viên và số lượng thành viên BKS: 03 thành viên.
- Thù lao chi trả cho Thành viên HĐQT đại diện vốn Nhà Nước là 24 triệu đồng/năm, tương đương 0,02% lợi nhuận sau thuế năm 2020;
- Các thành viên HĐQT còn lại và các thành viên BKS tự nguyện không hưởng thù lao.

**2. Mức thù lao dự kiến chi trả trong năm 2021:**

Căn cứ kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2021 và ý kiến của một số thành viên HĐQT, BKS, đề nghị ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS như sau:

- Thù lao cho HĐQT là: 2 triệu đồng/tháng, trong đó:
  - o Thành viên HĐQT đại diện phần vốn Nhà nước: 2 triệu đồng/tháng;
  - o Thành viên HĐQT còn lại (4 người): tự nguyện không hưởng thù lao nên không thực hiện việc chi trả.
- Thù lao cho BKS: Không thực hiện việc chi trả do các thành viên BKS tự nguyện không hưởng thù lao.

**Tổng cộng mức thù lao dự kiến trả năm 2021: 24.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu đồng chẵn).**

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

(đã ký)

**VĂN THỊ HẢI HÀ**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**TRẦN LÊ PHƯƠNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

---

Số: ~~CK~~/2021/TTr-HĐQT-VEFAC

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**V/v: Sửa đổi Điều lệ và ban hành các Quy chế của Công ty**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Kể từ ngày 01/01/2021, một số văn bản pháp luật quan trọng có liên quan đến hoạt động của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“**Công ty**”) đã có hiệu lực bao gồm: (i) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (ii) Luật Doanh nghiệp số 29/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (iii) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định số 155**”) (iv) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật như nêu trên, Công ty cần phải kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung các nội dung của bản Điều lệ hiện hành và ban hành các Quy chế cho phù hợp nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Công ty.

Trình ĐHCĐ xem xét và thông qua các tài liệu sau đây:

1. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này.
2. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này.
3. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Phụ lục 03 đính kèm Tờ trình này.
4. Điều lệ sửa đổi, bổ sung với các nội dung được liệt kê theo Phụ lục 4 đính kèm Tờ trình này. Ngoài ra, Điều lệ có một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản). Nội dung điều chỉnh này giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty rà soát, thực hiện và ký ban hành bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

**Nơi nhận:**

- *Như trên;*
- *Lưu Văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

(đã ký)

**Trần Lê Phương**

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM

TT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Trụ sở/ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, nơi cấp CMND/GCN ĐKDN	Vốn góp					Chữ ký của cổ đông sáng lập	
									Tỷ lệ %	Loại cổ phần		Thời điểm góp vốn			
										Phổ thông					
										Số lượng	Giá trị (đồng)		Số lượng		Giá trị (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Bộ văn hóa thể thao và du lịch						Số 51,53 Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội		16.660.405	166.604.050.000	10	16.660.405	166.604.050.000		

**PHỤ LỤC - NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**  
(Đính kèm Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày ... tháng ... năm 2021 về việc sửa đổi Điều lệ và ban hành các Quy chế của Công ty)

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1 Khoản 1 Điểm (e), (m)	<p><b>Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>e. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;</p> <p>m. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán;</p>	<p><b>Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>a. Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;</p> <p>h. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</p>	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019
2.	Điều 11 Khoản 3	<p><b>Quyền của Cổ đông</b></p> <p>11.3. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ Phần Phổ Thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên tại Công Ty có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét và trích lục số biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh Nghiệp;</p> <p>c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước</p>	<p><b>Quyền của cổ đông</b></p> <p>5. Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục các Biên bản họp và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn</p>	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính (“Điều lệ mẫu”)

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>công dân, Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng Cổ Phân và thời điểm đăng ký Cổ Phân của từng Cổ Đông, tổng số Cổ Phân của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ Phân của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.</p> <p>e. Việc đề cử thành viên HĐQT và BKS được quy định tại Điều 27 và Điều 37 Điều Lệ này.</p>	<p>bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHQĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>đ. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp</p> <p>11.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS được thực hiện như sau:</p> <p>a) Các Cổ Đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc</p>	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
3.	<p><b>Điều 13</b></p> <p><b>Khoản 1</b></p>	<p><b>Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>13.1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên tại một địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp</p>	<p>hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, BKS, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các Cổ đông khác đề cử.</p> <p><b>Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>HĐQT quyết định việc gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (6) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</b></p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp/Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“<b>NĐ số 155</b>”) và Điều lệ mẫu</p>



STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Khoản 3 Điểm (e)	e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Cán Bộ Quản Lý vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	e. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 165 của Luật Doanh nghiệp</b> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	
	Khoản 4 Điểm (c)	c. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;	c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định <b>Khoản 3 Điều 140</b> của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;	
4.	Điều 14 Khoản 2 Điểm (o)	<b>Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> o. Công Ty hoặc các chi nhánh của Công Ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty và các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.	<b>Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> <b>o. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:</b> (i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức là Người có liên quan của Cổ đông là tổ chức trong trường hợp Công ty và tổ chức là Người có liên quan của Cổ đông đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. (ii) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (**ND số 155) và Điều lệ

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p><b>Nội dung Điều lệ hiện hành</b></p>	<p><b>Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung</b></p> <p>HDQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý khác không phải là Cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế thì ĐHDCĐ chấp thuận các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>(iii) Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</li> <li>- Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</li> <li>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh Nghiệp.</li> </ul> <p>(iv) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51%</p>	<p>Lý do sửa đổi, bổ sung</p> <p>mẫu</p>

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
5.	<p><b>Điều 15</b> Khoản 1</p>	<p><b>Các đại diện được ủy quyền</b> Các Cổ Đông có quyền tham dự ĐHĐCD có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ Phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện:</p>	<p>tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó</p> <p>Trong các trường hợp trên, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p> <p><b>Các đại diện được ủy quyền</b> 1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự họp, uỷ quyền bằng văn bản cho đại diện của mình tham dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp</p>
	<p><b>Khoản 2</b></p>	<p>15. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCD phải lập thành văn bản theo mẫu hướng dẫn của Công Ty và có chữ ký theo quy định cụ thể sau đây: a. Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và người được</p>	<p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty phát hành hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền,</p>	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>ủy quyền dự họp.</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>d. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp</p>	<p><b>nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</b></p>	
6.	<p><b>Điều 17</b></p> <p>Khoản 2</p> <p>Điểm (a)</p>	<p><b>Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông:</p> <p>a. Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên số đăng ký Cổ Đông của Công Ty. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;</p>	<p><b>Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <b>không quá mười (10) ngày</b> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông;</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu</p>
	Khoản 3	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử</p>	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>(website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất là ngày (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trừ cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận</p>	<p>từ (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi <b>chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày</b> trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trừ cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận</p>	
Khoản 5 Điều b		<p>5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không có trên 10% (mười phần trăm) Cổ Phần Phổ Thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng tại Công Ty theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều Lệ;</p>	<p>5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không <b>năm đủ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</b></p>	
7.	Điều 18 Khoản 1	<p><b>Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><b>Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện <b>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.</b></p>	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu và bỏ sung, làm rõ thêm hình thức họp ĐHĐCĐ trực
	Khoản 2	<p>2. Trường hợp không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội cổ đông phải</p>	<p>2. Trường hợp không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội cổ đông</p>	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) Cổ Phần có quyền biểu quyết.	<b>Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung</b> phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên	Lý do sửa đổi, bổ sung (online) và các hình thức họp khác (nếu có)
8.	<b>Điều 19</b> Khoản 13	Chưa có	19.13. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể bao gồm hình thức họp trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp, trong đó một số hoặc tất cả Cổ đông đang ở những địa điểm khác nhau, có thể: a. Có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp; và b. Có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ đông tham gia vào buổi họp sẽ được xác định là “có mặt” tại buổi họp nếu được Cổ đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử	Bổ sung cho phù hợp với việc họp trực tuyến
9.	<b>Điều 20</b> Khoản 4	4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này;	4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông <b>sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%)</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu
	<b>Khoản 7</b>	ĐHĐCĐ có thể thông qua mọi Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản	Lược bỏ	Do đã được quy

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung định tại Điều 21
10.	Điều 21 Khoản 1 Khoản 2	<p><b>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>Không phụ thuộc vào Điều 145 Luật Doanh Nghiệp, thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHQĐĐ được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>2.1. Chủ tịch HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHQĐĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;</p> <p>21.2. Chủ tịch HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHQĐĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến ĐHQĐĐ phải được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p><b>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>Trong trường hợp phê duyệt thông qua các Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <p>2.1. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, <b>chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHQĐĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến ĐHQĐĐ địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông.</b> Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.</p>	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu
	Khoản 9	<p>21.9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHQĐĐ</p>	<p>21.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHQĐĐ</p>	
11.	Điều 23	<p><b>Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>23.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên</p>	<p><b>Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>23.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên</p>	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 17.7 Điều 17 Điều Lệ này.</p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty</p>	<p>bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với quy định của Điều 151 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp</p>
12.	<p><b>Điều 25</b> Khoản 1</p>	<p><b>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b> Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b> Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp</p>
13.	<p><b>Điều 26</b> Khoản 3 Điểm (d)</p>	<p><b>Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b> e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty</p>	<p><b>Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b> Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các Quy chế khác thuộc thẩm quyền của HĐQT</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp, ND số 155 và Điều lệ mẫu</p>
	<p>Khoản 4 Điểm (c)</p>	<p>c. HĐQT tùy từng thời điểm quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua họp</p>	<p>c. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau: (i) Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 14.2.o (ii) mà</p>	



STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 3550% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135. Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;</p> <p>(ii) Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 14.2.o (i) và Điều 20.2.d (iii) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>(iii) Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 14.2.o (iv) có giá trị bằng hoặc dưới 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị. -Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;</p>	
14.	<p><b>Điều 27</b> Khoản 4</p>	<p><b>Thể thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b> 27.4. Các Cổ Đông năm giữ số Cổ Phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông năm giữ:</p> <p>a. Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;</p> <p>b. Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>c. Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>d. Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</p> <p>e. Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05)</p>	<p><b>Thể thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b> 27.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng ứng viên Hội đồng quản trị, theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:</p> <p>a) Từ 10% được đề cử một (01) ứng viên;</p> <p>b) Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>c) Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>d) Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</p> <p>e) Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p> <p>f) Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu</p>

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>ứng viên; f. Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; g. Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; h. Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên</p>	<p>viên; g) Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; h) Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	
Khoản 5		<p>27.5. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử</p>	<p>27.5. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp Luật</p>	
Khoản 7		<p>HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến</p>	<p>Lược bỏ</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp. HĐQT không có quyền bổ nhiệm người khác tạm thời là thành viên HĐQT. Trong mọi trường hợp</p>

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
15.	<p><b>Điều 28</b> Khoản 1</p>	<p>trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực</p> <p><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công Ty khi được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại ĐHĐCĐ thường niên</p>	<p><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. HĐQT bầu một trong số các thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.</p>	<p>việc thay đổi thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện việc bầu cử.</p>
16.	<p><b>Điều 29</b> Khoản 14</p>	<p><b>Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> 29.14. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp. b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt”</p>	<p><b>Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> 29.14. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc các hình thức họp khác giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp. b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu và làm rõ thêm hình thức họp HĐQT trực tuyến (online) và các hình thức họp khác (nếu có)</p>

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
17.	<b>Điều 33</b> Khoản 3	tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp quyết định thông qua một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này	<b>Tổng Giám đốc Công ty</b> 33.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc được quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh Nghiệp.	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu
18.	<b>Điều 34</b> Khoản 4	<b>Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b> 34.4. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường và hợp đồng khác nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty	<b>Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b> 34.4. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường và hợp đồng khác nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHQĐ và HĐQT	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu
19.	<b>Điều 35</b>	<b>Thư ký Công Ty</b> 35.1. HĐQT chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công Ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty bao gồm:	<b>Người phụ trách quản trị</b> <b>Người phụ trách quản trị</b> 35.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT, HDQT; tư vấn thủ tục các cuộc họp; chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS; ghi chép các biên bản họp; Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS;</p> <p>c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;</p> <p>d. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông;</p> <p>e. Hỗ trợ Công Ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</p> <p><b>35.2.</b> Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty</p>	<p><b>Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung</b></p> <p>35.2. Người phụ trách quản trị không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>35.3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>(i) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>(ii) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>(iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>(iv) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>(v) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>(vi) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>(vii) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>(viii) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>(ix) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>(x) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p>	Lý do sửa đổi, bổ sung

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
20.	Điều 36 Khoản 1	<p><b>Ban Kiểm soát</b></p> <p>36.1. Công Ty phải có BKS và BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, bao gồm những quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công Ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công Ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề về kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công Ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của Công Ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p><b>Ban Kiểm soát</b></p> <p>36.1. Công Ty phải có BKS và BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, bao gồm những quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>e) Xem xét số kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.</p> <p>f) Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 11 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện</p>	<p>Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp, ND số 155 và Điều lệ mẫu</p>

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu.</p> <p>g) Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>j) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>k) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>l) Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>m) Có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 288</p>	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020</p> <p>n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>o) Ban Kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin, gồm:</p> <p>i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>ii) Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>iii) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>iv) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;</p> <p>v) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài</p>	



STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
21.	Điều 37 Khoản 7	<p><b>Kiểm soát viên</b></p> <p>37.7. Các Cổ Đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ:</p> <p>a. Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;</p> <p>b. Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>c. Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>d. Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</p> <p>e. Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên</p>	<p>liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát</p> <p><b>Kiểm soát viên</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng ứng viên Ban Kiểm soát, theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:</p> <p>a) Từ 10% được đề cử một (01) ứng viên;</p> <p>b) Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>c) Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>d) Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</p> <p>e) Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên</p>	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp
	Khoản 8	<p>Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công Ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử</p>	<p>Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</p>	Cho phù hợp Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
22.	Điều 39 Khoản 3, Khoản 4	<p>ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử</p> <p><b>Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>39.3. Công Ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Cán Bộ Quản Lý khác và những Người Có Liên Quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.</p> <p>39.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, Cán Bộ Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công Ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, Cán Bộ Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán Bộ Quản Lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch</p>	<p><b>Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>39.3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là cá nhân và Người có liên quan của Cổ Đông đó là cá nhân.</p> <p>39.4. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là tổ chức và Người có liên quan của Cổ Đông đó là cá nhân trừ trường hợp Cổ Đông là Công Ty Con trong trường hợp Công Ty Con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p> <p>39.5. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của Cổ Đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và người có liên quan của Cổ Đông đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ thông qua nếu giá trị giao dịch từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và phải được HĐQT thông qua nếu giá trị giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>39.6. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau khi đã được ĐHĐCĐ phê duyệt theo Điều 14.2 (o) và Điều 26.4 (c) Điều lệ này.</p>	Cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp, ND số 155 và Điều lệ mẫu

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị từ 20% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán Bộ Quản Lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ Đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này</p>		

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng Khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“**Điều lệ Công ty**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ... /2021/NQ-DHĐCĐ-VEFAC ngày ... tháng ... năm 2021.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) ban hành Quy chế nội bộ về quản trị (Sau đây gọi là “**Quy Chế**”) của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“**Công ty**”) bao gồm các nội dung sau:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy Chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”), HĐQT, Tổng Giám đốc (“**TGD**”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (“**BKS**”), TGD và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. **Đối tượng áp dụng:** Quy Chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, TGD và những người liên quan.

### **Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**

#### **1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ:**

- 1.1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 1.2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

#### **2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:**

##### **2.1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ:**

- a) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên.
- b) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo các trường hợp sau:
  - HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng

văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- Theo yêu cầu của BKS;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Việc triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên/bất thường được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## 2.2. **Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:**

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

## 2.3. **Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:**

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

## 2.4. **Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ:**

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ Đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

## 2.5. **Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:**

- a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội và các công việc khác theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm (b) nêu trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng quy định;
  - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên;
  - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- d) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm (b) nêu trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm (c); kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

#### 2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.
- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm (a) nêu trên phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc văn bản ủy quyền có thể được cổ đông gửi tới Công ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo mời họp trong vòng bốn mươi tám (48) giờ trước khi tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ

- c) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
  - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### 2.7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:

- a) Cổ đông xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức được nêu tại thông báo mời họp;
- b) Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền dự họp có mặt;
- c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### 2.8. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (a) nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (b) nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:**

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung, chương trình họp.

ĐHĐCĐ thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

**2.10. Cách thức biểu quyết:**

- a) Việc biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu thực hiện như sau:

- Các nội dung biểu quyết được ghi trong thẻ biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” vào từng nội dung cần lấy ý kiến.
- Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:
  - + Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong;
  - + Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong;
- Các thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:
  - + Thẻ không theo mẫu do Ban Tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty;
  - + Thẻ bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa;
  - + Thẻ không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
  - + Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu dẫn đến việc Ban kiểm phiếu không xác định được ý kiến của người bỏ phiếu;
  - + Thẻ có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ;
- Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;
- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

- b) Việc biểu quyết theo hình thức biểu quyết trực tiếp (trong trường hợp không áp dụng hình thức bỏ phiếu) thực hiện như sau: Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc Đoàn Chủ tịch. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- c) Việc bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo Quy Chế bầu thành viên

ĐHĐT/BKS thông qua tại Đại hội hoặc Quy chế được gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

**2.11. Cách thức kiểm phiếu:**

- a) Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại cuộc họp.
- b) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
  - Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/khu vực riêng.
  - Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu.
  - Kiểm tra tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết.
  - Kiểm tra lần lượt từng Thẻ biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.
  - Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của cổ đông có liên quan (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết).
  - Niêm phong toàn bộ Thẻ biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng Ban kiểm phiếu.
- c) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
  - Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu;
  - Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
    - + Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
    - + Thành phần Ban kiểm phiếu;
    - + Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia dự họp;
    - + Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu;
    - + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
    - + Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề.
    - + Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của thành viên Ban kiểm phiếu.

**2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:**

- a) Nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - Dự án đầu tư, bán tài sản, các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
  - Tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.
- b) Các nghị quyết về các vấn đề khác trừ các vấn đề nêu tại điểm a khoản này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- c) Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp



và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

**2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:**

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ, trước khi bế mạc Đại hội.

**2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 151 Luật Doanh Nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

**2.15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:**

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
  - Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
  - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

**2.16. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ:**

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**3. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**

- 3.1. Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty và cổ đông, Chủ tịch HĐQT có quyền tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.
- 3.2. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:
  - a) Chủ tịch HĐQT quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.
  - b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
    - (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
    - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
    - (v) Phương án biểu quyết bao gồm “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
    - (vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
    - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
  - c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
    - (i) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
    - (ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
    - (iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- d) Chủ tịch HĐQT chỉ đạo việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
  - (iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

#### **4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:**

- 4.1. Công ty có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e- GMS) hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quyết định của HĐQT hoặc khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, bạo loạn, các quyết định hạn chế/cấm từ cơ quan Nhà nước ... làm ảnh hưởng đến việc tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp.
- 4.2. Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ theo các hình thức như quy định tại mục 4.1 nêu trên, HĐQT chịu trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp, biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo hình thức họp tương ứng.

### **Điều 3. Hội đồng quản trị**

#### **1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT:**

- 1.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- 1.2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.
- 1.3. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp.

## **2. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:**

- 2.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
- 2.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 2.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy Chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy Chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
- 2.4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

## **3. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT:**

- 3.1. Số lượng thành viên HĐQT là từ 03 đến 11 người. ĐHCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT cụ thể tại từng thời điểm.
- 3.2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 3.3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.
- 3.4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 3.5. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

## **4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT:**

- 4.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 4.2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT (nếu có) và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 4.3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- 4.4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 4.5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT (nếu có).
- 4.6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT:**

- 5.1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 5.2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến.
- 5.3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
  - b) Có đề nghị của TGĐ hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
  - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 5.4. Đề nghị quy định tại Khoản 5.3 nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 5.5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 5.3 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 5.6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

- 5.7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.
- 5.8. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 5.9. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
- 5.10. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:
  - a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
  - b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.
- 5.11. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
- 5.12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Người phụ trách quản trị Công ty chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 5.13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 5.14. Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:
  - a) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
  - b) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;
  - c) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra Biên bản kiểm phiếu;

- d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

- 5.15. Biên bản họp HĐQT phải được lập theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh Nghiệp.
- 5.16. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- 6. Các tiểu ban thuộc HĐQT:** HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro theo nghị quyết/quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.
- 7. Người phụ trách quản trị Công ty:** HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị nội bộ tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Ban Kiểm soát**

##### **1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS:**

BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp.

##### **2. Ứng cử, đề cử thành viên BKS (Kiểm soát viên)**

- 2.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy Chế này.
- 2.2 Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy Chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy Chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

##### **3. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS:**

- 3.1 Số lượng thành viên BKS của Công ty là từ 03 đến 05 người. ĐHĐCĐ quyết định cụ thể số lượng thành viên BKS tại từng thời điểm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3.2 Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 3.3 Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định;
  - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- 3.4 Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

### **Điều 5. Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm.
2. TGD là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của TGD đương chức hết hạn mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm. TGD phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. TGD có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh Nghiệp.
5. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.
6. Tiền lương và lợi ích khác của TGD: TGD được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của TGD do HĐQT quyết định. Tiền lương của TGD được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

### **Điều 6. Các hoạt động khác**

#### **1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:**

- 1.1 Chủ tịch HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho BKS tham dự các cuộc họp HĐQT. Các thành viên BKS có quyền tham dự các cuộc họp HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
- 1.2 HĐQT có trách nhiệm phối hợp, hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho BKS thực hiện quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT theo quy định; đồng thời chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS.
- 1.3 BKS có quyền yêu cầu HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 1.4 HĐQT đảm bảo tất cả các Nghị quyết/quyết định HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên BKS, đồng thời cung cấp cho các thành viên HĐQT.

#### **2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD:**

- 2.1 HĐQT đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để TGD thực hiện tốt nhất việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 2.2 TGD có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề bất lợi cho Công ty, các cổ đông, TGD có quyền kiến nghị HĐQT xem xét để điều chỉnh cho phù hợp.
- 2.3 TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Công ty và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ.
- 2.4 TGD và những cán bộ quản lý khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên HĐQT được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.

#### **3. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD:**



- 3.1 TGD có thể mời BKS tham dự cuộc họp của Ban Giám đốc (nếu xét thấy cần thiết). BKS có thể đóng góp ý kiến (nếu có) tại cuộc họp cho TGD.
- 3.2 TGD thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty.
- 3.3 TGD có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BKS được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.
- 3.4 Các báo cáo của TGD trình HĐQT phải được gửi đồng thời đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến các thành viên HĐQT.

**Điều 7. Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và TGD.**

1. Căn cứ vào nội quy, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công ty và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty, Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và các cán bộ quản lý khác có thành tích trong công tác quản lý.
2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, hội đồng khen thưởng kỷ luật Công ty xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD.

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Quy Chế này gồm 08 điều do HĐQT tổ chức việc soạn thảo, trình ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. HĐQT, BKS, TGD chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy Chế này.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy Chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
4. Trong quá trình thực hiện, Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung Quy chế cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và tình hình quản trị nội bộ của Công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua Quy Chế tại từng thời điểm.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**TRẦN LÊ PHƯƠNG**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

(Dự thảo)

## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“**Công ty**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên số ..../2021/NQ-ĐHĐCĐ-VEFAC ngày ... tháng ... năm 2021,

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) ban hành Quy chế hoạt động của HDQT Công ty.

Quy chế hoạt động của HDQT Công ty bao gồm các nội dung sau:

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của HDQT quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HDQT và các thành viên HDQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho HDQT, các thành viên HDQT.

##### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. HDQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HDQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HDQT đối với sự phát triển của Công ty.
2. HDQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc (“**TGD**”) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT.

### Chương II

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HDQT

1. Thành viên HDQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên HDQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, (các) Phó TGD, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các công ty khác trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.**

1. HĐQT có từ 03 đến 11 thành viên. ĐHĐCĐ quyết định cụ thể số lượng thành viên HĐQT tại từng thời điểm.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.**

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

#### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm TGD.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
  - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
5. HĐQT bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm là Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ Đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;
  - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
  - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
  - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ.

**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.**

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
  4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
    - a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
    - b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
    - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
  5. Việc thay đổi thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước

khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
2. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 26 Luật Doanh Nghiệp.
3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

#### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.**

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
  - a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
  - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.**

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Theo yêu cầu của BKS;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
  - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
  - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

**Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của

HDQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- Việc thực thi quyết định của HDQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HDQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

#### **Chương IV**

### **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.**

- Chủ tịch HDQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HDQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HDQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HDQT.
- HDQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- Chủ tịch HDQT triệu tập họp HDQT trong trường hợp sau đây:
  - Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HDQT;
  - Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HDQT;
  - Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HDQT.
- Chủ tịch HDQT phải triệu tập họp HDQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HDQT theo đề nghị thì Chủ tịch HDQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HDQT triệu tập họp HDQT.
- Chủ tịch HDQT hoặc người triệu tập họp HDQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  
Thông báo mời họp HDQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HDQT được đăng ký tại Công ty.
- Chủ tịch HDQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HDQT.  
Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HDQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- Cuộc họp HDQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HDQT dự họp.
- Thành viên HDQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:



- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
12. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
13. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:
- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
  - b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.

14. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:

- (i) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
- (ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;
- (iii) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra Biên bản kiểm phiếu;
- (iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

**Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.**

- 1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
  - b) Thời gian, địa điểm họp;

- c) Mục đích, chương trình và nội dung hợp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự hợp hoặc người được ủy quyền dự hợp và cách thức dự hợp; họ, tên các thành viên không dự hợp và lý do (nếu có);
  - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự hợp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản hợp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
  3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản hợp HĐQT.
  4. Biên bản hợp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
  5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
  - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính;
  - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
  - d) Báo cáo thẩm định của BKS.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù

lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

### **Chương VI**

#### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc**

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết đề TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

### **Chương VII**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN LÊ PHƯƠNG**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

(Dự thảo)

## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“**Công ty**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên số ...../2021/NQ-ĐHĐCĐ-VEFAC ngày ... tháng ... năm 2021;

Ban Kiểm soát (“**BKS**”) ban hành Quy chế hoạt động của BKS Công ty.

Quy chế hoạt động của BKS Công ty bao gồm các nội dung sau:

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của BKS quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của BKS và các thành viên BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế hoạt động của BKS được áp dụng cho BKS và các thành viên BKS.

##### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.

### Chương II

#### THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

##### Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

**Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát.**

1. BKS có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.**

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị (“**HDQT**”), Tổng Giám đốc (“**TGD**”) và người quản lý khác;
  - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
  - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
  - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên BKS không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ.

## **Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS do Điều lệ Công ty quy định.

## **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên BKS**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

## **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

## **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

**Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác;
  - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**Chương III**

**BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.**

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm



tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGD vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.
14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.
23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.
24. Trường hợp BKS điều hành đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

## **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
  - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
  - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
  - c) Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.**

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
  - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát**

1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS.
2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát.**

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGD để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.
4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

#### **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHCĐ. ĐHCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên BKS phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của thành viên BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát.**

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên BKS.

#### **Điều 20. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc**

BKS có mối quan hệ độc lập với Tổng Giám đốc Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

#### **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của BKS Công ty bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

(đã ký)

**Văn Thị Hải Hà**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

---

Số: 07/2021/TT-HĐQT-VEFAC

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
V/v: Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập**

***Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG***

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Trung tâm hội chợ triển lãm Việt Nam (“**Công ty**”) và Luật doanh nghiệp, việc lựa chọn công ty kiểm toán hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Dựa trên đánh giá về chất lượng và uy tín của các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán có thể được lựa chọn làm đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 và giao Tổng giám đốc Công ty quyết định lựa chọn một trong các Công ty này:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; và
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**TRẦN LÊ PHƯƠNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

Số: *18*./2021/TTtr-HĐQT-VEFAC

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**V/v: Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCD**”) xem xét và thông qua về việc điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty CP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“**Công ty**”) với các nội dung như sau:

STT	Ngành nghề đã đăng ký	Ngành nghề đề xuất điều chỉnh	Mã ngành	Lý do điều chỉnh
1	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận  (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);	Lược bỏ	7320	Lược bỏ do không hoạt động

Giao Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định việc điều chỉnh đầy đủ, chính xác các ngành nghề kinh doanh nêu trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành.

Thời điểm thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty: Giao cho Chủ tịch HĐQT ban hành Nghị quyết vào thời điểm phù hợp nhưng không muộn hơn 12 tháng kể từ ngày được ĐHĐCD thông qua.

ĐHĐCD thông qua về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh nêu trên và giao Người đại diện theo pháp luật hoàn thiện, ký, ban hành bản Điều lệ theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Trần Lê Phương**

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

(V/v: Thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ Công ty CP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“Công ty”);
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VEFAC ngày 16/03/2021 của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VEFAC ngày 16/03/2021 của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam,

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung sau:

**1. Về phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VEFAC ngày 16/03/2021:**

**1.1. Tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VEFAC ngày 16/03/2021:**

Hiện nay Công ty đang tiến hành triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thực hiện các dự án theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VEFAC ngày 16/03/2021. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành theo như nội dung đã được nêu tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VEFAC ngày 16/03/2021.

**1.2. Làm rõ mục đích của phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành (7.530,36 tỷ đồng) được dùng để:

- Bổ sung vốn kinh doanh để đáp ứng các yêu cầu về nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo đủ năng lực tài chính triển khai thực hiện các dự án;
- Bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Cụ thể:

STT	Tên dự án	Dự kiến sử dụng vốn (tỷ đồng)
I	Bổ sung vốn kinh doanh để đáp ứng các yêu cầu về nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo đủ năng lực tài chính triển khai thực hiện các dự án	7.529,56
1	Dự án Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc Gia	1.100,40



2	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại các xã Xuân Canh, xã Đông Hội, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	5.231,80
3	Dự án Khu chức năng đô thị Nam Đại lộ Thăng Long tại Phường Mễ Trì, Phường Trung Văn, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	1.197,36*
<b>II</b>	<b>Bổ sung vốn lưu động</b>	<b>0,8</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.530,36</b>

HĐQT kính trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

(\*): *Vốn chủ sở hữu tối thiểu cần để thực hiện triển khai dự án Khu chức năng đô thị Nam Đại lộ Thăng Long tại Phường Mễ Trì, Phường Trung Văn, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội là 2.863,40 tỷ đồng, trong đó Công ty sử dụng vốn điều lệ hiện tại là 1.666,04 tỷ đồng, phần còn lại là 1.197,36 tỷ đồng Công ty sẽ sử dụng từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán.*

## 2. Về phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHCĐ số 02/2021/NQ-ĐHCĐ-VEFAC ngày 16/03/2021:

2.1. HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thực hiện Dự án Giảng Võ theo nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHCĐ số 02/2021/NQ-ĐHCĐ-VEFAC ngày 16/03/2021.

### 2.2. Làm rõ mục đích của phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành (3.494,6 tỷ đồng) được dùng để:

- Bổ sung vốn kinh doanh để đáp ứng các yêu cầu về nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo đủ năng lực tài chính triển khai thực hiện các dự án;
- Bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Cụ thể:

STT	Tên dự án	Dự kiến sử dụng vốn (tỷ đồng)
1	<i>Bổ sung vốn kinh doanh để đáp ứng các yêu cầu về nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo đủ năng lực tài chính triển khai thực hiện Dự án Giảng Võ</i>	3.487,9
2	Bổ sung vốn lưu động	6,7
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.494,6</b>

HĐQT kính trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.  
Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

**TRẦN LÊ PHƯƠNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



---o0o---

Số: 01/2021/BBKP-VEFAC

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2021

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VIỆT NAM**

**Trụ sở chính:** Số 148 đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội

**Giấy ĐKKD số:** 0100111472 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/01/2011

**Thời gian tổ chức:** 9 giờ 00 phút ngày 26 tháng 6 năm 2021. Bằng hình thức trực tuyến tại địa điểm Trung tâm Hội nghị Almaz, Đường Hoa Lan, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

Ban kiểm phiếu do Ban tổ chức ĐHĐCĐ giới thiệu và đã được ĐHĐCĐ thông qua bao gồm:

1. Bà Vũ Phương Hoa: Trưởng Ban;
2. Bà Nguyễn Thị Thu: Ủy viên;
3. Nguyễn Đức Lưu: Cổ đông giám sát.

đã tiến hành kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA BIỂU QUYẾT**

1. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **166.601.050** cổ phần, tương đương **166.601.050** phiếu biểu quyết.
2. Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt vào ngày 17/5/2021, đại diện cho **166.601.050** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

**II. THÀNH PHẦN THAM DỰ HỌP**

Tổng số cổ đông tham dự họp (*trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền hoặc thông qua hình thức biểu quyết trực tuyến*) theo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông cùng ngày là **34** cổ đông, đại diện cho **163.648.568** phiếu biểu quyết, tương đương với **98,227813%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

**III. CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT**

1. **Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020**
  - Tổng số phiếu hợp lệ: **163.775.368** phiếu, tương ứng với **163.775.368** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;



- Tổng số phiếu tán thành: **147.114.663** phiếu, tương ứng với **147.114.663** cổ phần, tương đương với **89,8271%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: **16.660.405** phiếu, Tương ứng với **16.660.405** cổ phần, tương đương với **10,172717%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **300** phiếu, tương ứng với **300** cổ phần, tương đương với **0,000183%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**2. Thông qua tình hình kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo Tờ trình của Hội đồng quản trị**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.775.368** phiếu, tương ứng với **163.775.368** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: **147.114.663** phiếu, tương ứng với **147.114.663** cổ phần, tương đương với **89,8271%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: **16.660.405** phiếu, Tương ứng với **16.660.405** cổ phần, tương đương với **10,172717%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **300** phiếu, tương ứng với **300** cổ phần, tương đương với **0,000183%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.764.868** phiếu, tương ứng với **163.764.868** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: **147.072.663** phiếu, tương ứng với **147.072.663** cổ phần, tương đương với **89,807212%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: **16.660.405** phiếu, Tương ứng với **16.660.405** cổ phần, tương đương với **10,173369%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **31.800** phiếu, tương ứng với **31.800** cổ phần, tương đương với **0,019418%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**4. Thông qua tình hình tài chính theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.764.868** phiếu, tương ứng với **163.764.868** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: **163.764.568** phiếu, tương ứng với **163.764.568** cổ phần, tương đương với **99,999817%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, Tương ứng với 0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 300 phiếu, tương ứng với 300 cổ phần, tương đương với 0,000183% tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**5. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020 theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: 163.775.368 phiếu, tương ứng với 163.775.368 cổ phần, tương đương với 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: 163.773.368 phiếu, tương ứng với 163.773.368 cổ phần, tương đương với 99,998779% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: 1.700 phiếu, Tương ứng với 1.700 cổ phần, tương đương với 0,001038% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 300 phiếu, tương ứng với 300 cổ phần, tương đương với 0,000183% tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**6. Thông qua thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

- Tổng số phiếu hợp lệ: 163.764.868 phiếu, tương ứng với 163.764.868 cổ phần, tương đương với 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: 163.764.568 phiếu, tương ứng với 163.764.568 cổ phần, tương đương với 99,999817% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, Tương ứng với 0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: 300 phiếu, tương ứng với 300 cổ phần, tương đương với 0,000183% tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**7. Thông qua Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: 163.775.368 phiếu, tương ứng với 163.775.368 cổ phần, tương đương với 100% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: 163.775.068 phiếu, tương ứng với 163.775.068 cổ phần, tương đương với 99,999817% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, Tương ứng với 0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

m

- Tổng số phiếu không có ý kiến: **300** phiếu, tương ứng với **300** cổ phần, tương đương với **0,000183%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**8. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.764.868** phiếu, tương ứng với **163.764.868** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành: **163.764.568** phiếu, tương ứng với **163.764.568** cổ phần, tương đương với **99,999817%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu, Tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu không có ý kiến: **300** phiếu, tương ứng với **300** cổ phần, tương đương với **0,000183%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.775.368** phiếu, tương ứng với **163.775.368** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành: **163.775.068** phiếu, tương ứng với **163.775.068** cổ phần, tương đương với **99,999817%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu, Tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu không có ý kiến: **300** phiếu, tương ứng với **300** cổ phần, tương đương với **0,000183%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.775.368** phiếu, tương ứng với **163.775.368** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành: **163.775.068** phiếu, tương ứng với **163.775.068** cổ phần, tương đương với **99,999817%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu, Tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu không có ý kiến: **300** phiếu, tương ứng với **300** cổ phần, tương đương với **0,000183%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**11. Thông qua Danh sách công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021 của Công ty.**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.775.368** phiếu, tương ứng với **163.775.368** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: **163.775.068** phiếu, tương ứng với **163.775.068** cổ phần, tương đương với **99,999817%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu, Tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **300** phiếu, tương ứng với **300** cổ phần, tương đương với **0,000183%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**12. Thông qua Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.775.368** phiếu, tương ứng với **163.775.368** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: **163.775.368** phiếu, tương ứng với **163.775.368** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: **0** phiếu, Tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

**13. Thông qua tờ trình về tiếp tục triển khai phương án phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ**

- Tổng số phiếu hợp lệ: **163.775.368** phiếu, tương ứng với **163.775.368** cổ phần, tương đương với **100%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành: **147.114.963** phiếu, tương ứng với **147.114.963** cổ phần, tương đương với **89,827283%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không tán thành: **16.660.405** phiếu, Tương ứng với **16.660.405** cổ phần, tương đương với **10,172717%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu biểu tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với **0** cổ phần, tương đương với **0%** tổng số phiếu tham gia biểu quyết;

Việc kiểm phiếu được kết thúc vào hồi 10h50 ngày 26 tháng 06 năm 2021.  
Chúng tôi cam kết về tính chính xác của việc kiểm phiếu trên.  
Biên bản kiểm phiếu này được công bố tại phiên họp đại hội cổ đông thường niên và lưu tại  
Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam.

**CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**

 Vũ Hương Hoa

 Nguyễn Thị Thu

 Nguyễn Đức Lâm.

C.T.C.P \* K